

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:06/2018/HNGĐ-ST

Ngày:31/01/2018

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung và cấp dưỡng
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Bà Doãn Thị Lệ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:721/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc *“Yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu quy hoạch X, tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Hồ Thị H, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Khu quy hoạch X, tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lê Văn B trình bày:

Anh và chị Hồ Thị H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/7/2008. Trong thời gian chung sống với nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, chửi

bó� và đánh đập nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hồ Thị H.

Trong thời kỳ hôn nhân, anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Hồ Thực U, sinh ngày 7/11/2008. Ly hôn, nguyện vọng của anh là giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hồ Thị H trình bày:

Chị H thống nhất với lời trình bày của anh B về hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, về con chung. Trong thời gian chung sống với nhau, chị thừa nhận hai vợ chồng có những mâu thuẫn về kinh tế, công việc và một số quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, anh B sống ly thân với chị từ khoảng tháng 11-12 năm 2016 đến nay. Nay anh B yêu cầu ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm với anh B và không muốn con cái mình thiếu tình thương và sự chăm sóc đầy đủ của cha và mẹ.

Về con chung: Chị và anh B có một con chung là cháu Lê Hồ Thực U, sinh ngày 7/11/2008. Ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì anh Lê Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hồ Thị H, tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn là chị Hồ Thị H có nơi cư trú tại khu quy hoạch X, tổ 12, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung: Anh Lê Văn B và chị Hồ Thị H có đăng ký kết hôn ngày 22/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Lê Văn B trình bày thì trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn từ chuyện nhỏ

đến chuyện lớn, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, chửi bới nhau, lâu dần tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hồ Thị H.

[3] Xét nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh B và chị H là do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau. Hơn nữa, khi mâu thuẫn, bất đồng xảy ra thì không bên nào đưa ra được biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, làm cơ sở cho việc đoàn tụ. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng anh B không đồng ý đoàn tụ nên hòa giải đoàn tụ không thành. Đến nay anh B khẳng định không còn tình cảm yêu thương chị H nữa nên anh vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị H.

Từ nhận định trên thấy rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Lê Văn B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là cháu Lê Hồ Thực U, sinh ngày 7/11/2008. Ly hôn anh B có nguyện vọng giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Chị H cũng có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Xét cháu Lê Hồ Thực U, sinh ngày 7/11/2008 hiện nay đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại bản tự khai, cháu U đã trình bày nguyện vọng của cháu là muốn ở với chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu U và anh B cũng có nguyện vọng giao cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000đ phù hợp với yêu cầu của chị H do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn B là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Lê Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu thêm án phí cấp dưỡng. Do anh B và chị H đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nhưng được Tòa án ghi nhận trong bản án nên anh B phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn B xin ly hôn chị Hồ Thị H.

Tuyên Xử:

1. Cho anh Lê Văn B được ly hôn chị Hồ Thị H.

2. Giao cháu Lê Hồ Thực U, sinh ngày 7/11/2008 cho chị Hồ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

3. Anh Lê Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hồ Thực U mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Anh Lê Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003777 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh Lê Văn B còn phải nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn B và chị Hồ Thị H có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã H, H. B, Quảng Bình
(GCNKH số 33, QS 03; 2008);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Rmah HThuyên